

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường
THPT Trần Hữu Trang năm học 2018- 2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	933	352	343	238
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	727 (77,92%)	241 (68,47%)	257 (74,93%)	229 (96,22%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	167 (17,90%)	92 (26,14%)	69 (20,12%)	6 (2,52%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	39 (4,18%)	19 (5,39%)	17 (4,95%)	3 (1,26%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	933	352	343	238
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	82 (8,79%)	30 (8,52%)	23 (6,71%)	29 (12,18%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	462 (49,52%)	151 (42,90%)	157 (45,77%)	154 (64,71%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	339 (36,33%)	147 (41,76%)	142 (41,40%)	50 (21,01%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	47 (5,04%)	22 (6,25%)	20 (5,83%)	5 (2,10%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,32%)	2 (0,57%)	1 (0,29%)	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	933	352	343	238
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	888 (95,18%)	328 (93,18%)	322 (93,88%)	238 (100%)

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	79 (8,47%)	30 (8,52%)	20 (5,83%)	29 (12,18%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	464 (49,73%)	150 (45,73%)	160 (46,65%)	154 (64,71%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	42 (4,50%)	22 (6,25%)	20 (5,83%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	22 (2,36%)	13 (3,69%)	9 (2,62%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12/18	3/15	8/1	1/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3	0	2 (66,67%)	1 (33,33%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	3	0	1	2
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				238
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				237
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				151

VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	495/438	174/178	184/159	137/101
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	378	132	144	102

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 09 năm 2019

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Đã ký tên – đóng dấu

VÕ THIÊN CANG